

Số: /2021/THD-QCNB

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thaiholdings (“Công ty”);
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số/2021/ĐHĐCĐ-THD ngày tháng năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Thaiholdings (“**Quy chế**”). Quy chế bao gồm các nội dung sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại Hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”), Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”), Tổng Giám đốc (“**TGD**”); trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát (“**BKS**”), TGD và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các đối tượng sau đây:

1. Hội đồng quản trị;
2. Ban Kiểm soát;
3. Tổng Giám đốc;
4. Tổ chức, cá nhân khác có quyền và lợi ích liên quan đến Công ty.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng văn bản

1. Trường hợp Quy chế này không quy định thì các quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Thaiholdings (“**Điều lệ**”) và các quy định có liên quan của pháp luật được áp dụng.
2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ và/hoặc quy định của pháp luật dẫn đến quy định tại Quy chế này khác với quy định của Điều lệ và/hoặc quy định của pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Công ty và/hoặc quy định mới của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc quản trị Công ty

1. Công ty được quản trị theo các nguyên tắc:
2. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
3. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS, Ban TGD;
4. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông Công ty và Công ty;
5. Công khai, minh bạch hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định liên quan khác của Pháp luật Việt Nam. Đặc biệt, các Cổ đông của Công ty có các quyền sau:
 - a. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố thông tin đầy đủ cho Cổ đông.
 - b. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT vi phạm, trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông, Cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ Nghị quyết đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 6. Trình tự, thủ tục thông báo về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

1. Công ty quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế bầu cử, Quy chế này và áp dụng quy định pháp luật liên quan về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ các nội dung chính sau:
 - a. Thông báo về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ;
 - b. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ;
 - c. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ;
 - d. Cách thức biểu quyết và thông báo kết quả biểu quyết;
 - e. Công bố thông tin về các nghị quyết ĐHĐCĐ;
 - f. Các vấn đề khác.
2. Danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được lập theo thời hạn quy định tại Điều lệ Công ty. Công ty báo cáo VSD, Sở Giao dịch Chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin về việc lập Danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng trên Phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán và trang thông tin điện tử của Công ty.
3. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả Cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông ghi trong Danh sách cổ đông do VSD cung cấp tại ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty chậm nhất mười ngày (10 ngày) trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ, đồng thời thực hiện công bố thông tin về việc họp ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật.
4. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ:
 - a. Cổ đông có thể xác nhận việc tham dự họp ĐHĐCĐ theo một trong các cách thức sau: gửi giấy xác nhận tham dự họp ĐHĐCĐ đến Công ty; xác nhận với người được ghi trên Thông báo mời họp là người thay mặt Công ty tiếp nhận xác nhận tham dự họp ĐHĐCĐ qua điện thoại, thư điện tử hoặc fax như được nêu tại Thông báo mời họp;
 - b. Cổ đông không thể tham dự họp ĐHĐCĐ có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự họp ĐHĐCĐ. Việc ủy quyền cho người được ủy quyền dự họp phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty. Người được ủy quyền dự họp phải nộp văn bản ủy quyền (bản gốc) cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông khi tham dự họp;
 - c. Vào ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông cho các Cổ đông có quyền dự họp có mặt;

- d. Cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký, sau đó vẫn có quyền tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ/ Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

Điều 7. Cách thức biểu quyết

- a. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho mỗi Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự họp của Cổ đông một (01) Thẻ biểu quyết và một (01) Phiếu bầu cử. Trường hợp tiến hành họp ĐHĐCĐ theo hình thức online, Cổ đông sẽ được cung cấp đường link bảo mật để thực hiện biểu quyết và bỏ phiếu theo hình thức điện tử. Tất cả Cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự được quyền tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ;

- b. Cách thức biểu quyết:

Việc biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được thực hiện theo các quy định sau:

- Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu;

Các nội dung biểu quyết được ghi trong Thẻ biểu quyết sẽ được Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự họp biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến vào từng nội dung cần lấy ý kiến;

- Các Cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau:

- i. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu và kết thúc khi Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự họp cuối cùng bỏ phiếu vào thùng hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong.

- ii. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong.

- c. Thông báo kết quả biểu quyết

Kết quả biểu quyết từng vấn đề làm việc của ĐHĐCĐ được Trưởng ban kiểm phiếu đọc ngay tại cuộc họp.

- d. Việc biểu quyết bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS theo phương thức bầu dồn phiếu. việc bầu được thực hiện theo nguyên tắc như sau:

- Cổ đông có thể bầu dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên bằng cách ghi số phiếu bầu cho các thành viên mà mình tín nhiệm và tự cộng tổng số phiếu bầu ở cột số phiếu biểu quyết trên Phiếu bầu cử.
 - Cổ đông hoặc người được ủy quyền chỉ được bầu không quá số thành viên HĐQT, BKS quy định tại Quy chế bầu cử do ĐHĐCĐ phê duyệt theo từng thời kỳ.
- e. HĐQT hoặc người triệu tập họp ĐHĐCĐ sắp xếp chương trình họp của ĐHĐCĐ một cách hợp lý, bố trí thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong Chương trình họp ĐHĐCĐ.
- f. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
- g. Nguyên tắc, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại điểm c, Khoản 2, Điều 136 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT;

- a. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các Nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- b. Kết quả đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập;
- c. Kết quả giám sát các hoạt động của TGD;
- d. Các kế hoạch trong tương lai.

2. Báo cáo hoạt động của BKS

Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại điểm đ, Khoản 2, Điều 136 Luật Doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của BKS và từng Kiểm soát viên theo quy định;
- b. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của Công ty;
- c. Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD;
- d. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT, TGD và Cổ đông.

CHƯƠNG III

CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Điều 10. Thành phần HĐQT

1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế ;

2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ HĐQT

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý liên quan đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc);
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

- b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 12. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban

kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 13. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
 - c. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - d. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - e. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - f. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
 - e. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - f. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - g. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - h. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - i. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 15. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện trên trang thông tin điện tử Công ty và các phương tiện công bố thông tin theo quy định của Pháp luật. Ngôn ngữ công bố thông tin rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây dễ nhầm lẫn.

Điều 16. Công bố thông tin về quản trị Công ty

Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ ĐHCĐ thường niên và trong báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của Luật chứng khoán, quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng.

Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tính hình quản trị Công ty theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG VI

GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 17. Giám sát

Công ty, các cá nhân, tổ chức liên quan và các Cổ đông phải chịu sự giám sát về quản trị của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động quản trị của Công ty và giải trình các sự việc liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán nhà nước.

Điều 18. Xử lý vi phạm

Trường hợp Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan không tuân thủ quy định tại Quy chế này thì xử lý theo quy định của pháp luật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tổn hại gây ra cho Công ty.

Điều 19. Hiệu lực

1. Quy chế này gồm VI Chương, 19 Điều do HĐQT tổ chức việc soạn thảo và trình ĐHĐCĐ thông qua, có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. HĐQT có trách nhiệm cập nhật các thay đổi của pháp luật để sửa đổi, bổ sung tương ứng nội dung Quy chế này cho phù hợp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thuyết